

Số: 104/2021/QĐST-DS

H, ngày 25 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 79/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 đường L, phường T, quận B, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N Việt Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nhữ Ngọc T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện H, Bắc Thanh Hoá.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Theo Quyết định uỷ quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng N Việt Nam.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (vợ ông Nguyễn Văn T).

Đều có địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về số tiền nợ: Các bên thống nhất thỏa thuận: Tính đến ngày 17/11/2021 ông Nguyễn Văn T còn nợ Ngân hàng N Việt Nam tổng số tiền là: 9.925.369.733 đồng (Chín tỷ, chín trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm sáu chín nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 9.100.868.000 đồng, lãi 824.501.733 đồng.

2. Về thời hạn, phương thức và số tiền trả nợ: Hai bên thống nhất thỏa thuận chia làm các kỳ trả nợ như sau:

- Ngày 25/01/2022 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) với điều kiện bổ sung mua bảo hiểm thân vỏ tàu cá nộp cho Ngân hàng chậm nhất ngày 30/11/2021.

- Ngày 25/02/2022 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Ngày 25/3/2022 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Ngày 25/4/2022 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Ngày 25/5/2022 trả cho Ngân hàng nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Ngày 25/6/2022 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Ngày 25/7/2022 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 25/01/2023 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 25/7/2023 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 25/01/2024 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 25/7/2024 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 25/01/2025 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 25/7/2025 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- Ngày 25/01/2026 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- Ngày 25/7/2026 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- Ngày 25/01/2027 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- Ngày 25/7/2027 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- Ngày 25/01/2028 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- Ngày 18/7/2028 trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 2.830.868.000 đồng (Hai tỷ tám trăm ba mươi triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và số tiền lãi còn lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (ngày 18/11/2021) ông T còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: 3514-LAV-201702924 ngày 18/7/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng và các khoản chi phí phát sinh kể cả vi phạm về điều kiện không mua bảo hiểm thân vỏ tàu theo quy định.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 3514-LAV-201702924 ngày 18/7/2017 của ông Tươi và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo biên bản thẩm định ngày 21/10/2021 gồm: Tàu cá có số hiệu TH-92886-TS. Loại tàu vỏ gỗ, lắp máy MITSUBISHI có công suất 829CV và các trang thiết bị khác trên tàu, tàu cá hiện nay đang hoạt động bình thường.

Nếu tài sản thế chấp kê biên phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Tươi và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ bằng các tài sản khác của ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho đến khi ông T thanh toán hết khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có

giá ngạch là 58.962.000 đồng (*Năm mươi tám triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.205.000 đồng (*Năm mươi chín triệu hai trăm linh năm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0008705 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Nga